TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – AN GIANG** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2026
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân; ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1978; số CCCD: 089178018223; nơi cư trú: Ấp V, xã P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1978; Số CCCD: 089078023584; nơi cư trú: Ấp V, xã P, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông Vcó mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Vtự tìm hiểu, đã ly hôn vào năm 2011 do Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang giải quyết. Sau khi ly hôn, bà và ông Vtiếp tục sống chung với nhau nhưng không có Đ ký kết

hôn. Sống đến năm 2018 thì bà và ông Vkhông còn sống chung với nhau nữa. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Văn.

Về con chung: Bà và ông Vcó 02 con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày12/6/2003 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 28/6/2015. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành và tự lập nên bà không yêu cầu. Cháu V đang sống với bà. Hiện nay cháu V đang bị bệnh Hội chứng Đow, không làm chủ được bản thân, không tự mình chăm sóc, vệ sinh cá nhân được. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháú V, yêu cầu ông Vcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.850.000 đồng đến cuối đời.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng Vtrình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T. Ông và bà T đã ly hôn theo bản án của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2011. Sau khi ly hôn thì ông và bà T quay lại sống chung nhưng không có Đ lý kết hôn. Ông và bà T không còn sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày12/6/2003 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 28/6/2015. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành và tự lập nên bà không ý kiến. Cháu V đang sống với bà T. Hiện nay cháu V đang bị bệnh Hội chứng Đow, không làm chủ được bản thân, không tự mình chăm sóc, vệ sinh cá nhân được. Ông đồng ý để bà T tiếp tục nuôi cháu V, tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.850.000 đồng đến khi cháu V hết bệnh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Theo Biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã P ngày 25/12/2025 xác định: Qua tra cứu dữ liệu thông tin hệ thống hộ tịch bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Hồng Vsống chung với nhau như vợ chồng, đã ly hôn vào năm 2011 theo bản án của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang. Sau đó bà T và ông V lại tiếp tục sống chung với nhau. Hiện nay, bà T và ông Vvẫn không Đ ký kết hôn.

Tại phiên tòa, ông V vẫn bảo lưu ý kiến, ông trình bày bổ sung, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu V, mỗi tháng 1.850.000 đồng đến khi cháu V hết bệnh. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng lần đấu vào ngày 23/02/2026.

Bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền*:* Bà Nguyễn Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng Văn. Đồng thời, ông Vcư trú trên địa bàn xã P, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông V không có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông V là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông Vcó 02 con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày12/6/2003 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 28/6/2015. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành và tự lập nên bà T không yêu cầu. Cháu V đang sống với bà T. Hiện nay cháu V đang bị bệnh Hội chứng Đow, không làm chủ được bản thân, không tự mình chăm sóc, vệ sinh cá nhân được, không có khả năng lao động. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V. Ông Vđồng ý để bà T tiếp tục nuôi cháu V nên Hội đồng xét xử đồng ý để bà T tiếp tục nuôi cháu V.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông Vcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.850.000 đồng cho đến khi cháu V trưởng thành và sống tự lập. Ông T đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà T, thời gian cấp dưỡng lần đầu tiên vào ngày 23/022026 nên công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Vphải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Hồng V là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bé T được tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 28/6/2015.

Ông Nguyễn Hồng V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.850.000 cho đến khi Nguyễn Thị Tường V trưởng thành và có khả năng lao động, tự nuôi sống được bản thân. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng lần đầu vào ngày 23/02/2026.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009891 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (Bà T đã nộp đủ). Ông Nguyễn Hồng V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/01/2026). Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- VKS *khu vực 15 - An Giang (2);*
- *THADS khu vực 15 - An Giang (1);*
- *UBND xã Phú Hữu (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Mai Việt Quốc